

Bản án số: 19/2024/DSST

Ngày: 11-4-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
- Ông Danh Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-DS ngày 29/02/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn G - sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P (tên gọi khác Y) - sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn G trình bày: Vào ngày 16/11/2023 tôi có cho ông Nguyễn Tấn P mượn số tiền là 50.000.000 đồng và tôi chuyển tiền qua tài khoản của ông P tại Ngân hàng TMCP S và ông P hẹn trong 4 - 5 ngày sẽ trả vốn gốc tôi. Mục đích ông P mượn tiền của tôi là để trả nợ bên ngoài. Sau đó, đến hạn trả nợ cho tôi thì tôi yêu cầu ông P trả tiền cho tôi nhưng ông P không trả mà hẹn khi có đất trả cho tôi. Sau khi ông P đã cố đất cho người khác xong thì ông P cũng không trả tiền cho tôi nên tôi có nhiều lần yêu cầu ông P trả nợ cho tôi nhưng ông P hứa mà không thực hiện để kéo dài đến nay.

Nay, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn P phải trả cho tôi số tiền còn thiếu là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất số tiền trên theo quy định của pháp luật từ ngày 16/11/2023 đến khi kết thúc vụ án và trả một lần dứt nợ. Đồng thời, tôi không đồng ý cho ông P dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Mặc khác, tôi cũng đồng trừ 3.000.000 đồng lãi mà ông P đóng cho tôi nên còn bao nhiêu thì tôi yêu cầu trả một lần hết nợ.

Theo bản tự khai đề ngày 08/3/2024 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày: Tôi xác định là vào ngày 16/11/2023 tôi có mượn tiền của ông G với số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lúc mượn tiền của ông G không có làm giấy tờ mượn mà do ông G chuyển khoản cho tôi. Đồng thời, khi mượn tiền của ông G thì tôi có hứa với ông G trong 10 ngày trả tiền cho ông G nhưng do làm ăn thất bại nên không có tiền trả cho ông G. Khi đến hạn tôi không có tiền trả cho ông G nên ông Giàu c điện và lợi nhà tôi yêu cầu trả tiền do tôi không có tiền nên hứa với ông G sẽ cố gắng lấy tiền những người thiếu tôi để trả cho ông G hoặc khi sang đất được sẽ trả cho ông G nhưng sang đất chưa được nên không có tiền trả cho ông G để kéo dài đến nay.

Nay, ông G khởi kiện tôi thì tôi thừa nhận còn thiếu ông G số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tôi cũng đồng ý tính lãi suất theo yêu cầu của ông G theo quy định của Nhà nước từ ngày 16/11/2023 đến khi kết thúc vụ án. Đồng thời, tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ còn ông G yêu cầu tôi trả một lần hết nợ thì tôi không có khả năng. Mặc khác, tôi có đóng lãi cho ông G 3.000.000 đồng nên tôi yêu cầu trừ 3.000.000 đồng còn bao nhiêu thì tôi xin trả dần như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn P phải trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là ông Nguyễn Tấn P có vay tiền của ông Lê Văn G là đúng sự thật.

Hợp đồng vay tiền giữa ông Lê Văn G và ông Nguyễn Tấn P là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P thừa nhận còn

thiếu ông G số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) từ ngày 16/11/2023 đến nay mà không trả được nợ cho ông G là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất:

Xét yêu cầu tính lãi suất của ông Lê Văn G thì ông yêu cầu tính lãi theo quy định của Nhà nước từ ngày 16/11/2023 đến khi xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, khi thỏa thuận vay tiền đều có lãi trừ trường hợp các đương sự thỏa thuận không có lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn P đồng ý tính lãi suất theo quy định Nhà nước từ ngày 16/11/2023 đến khi kết vụ án. Do đó, ông G yêu cầu tính lãi suất từ ngày 16/11/2023 đến ngày xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đối với lãi suất mà hai bên thỏa thuận là 3%/tháng cao so với quy định của pháp luật.

Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 20%/năm: 12 tháng = 1,66%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 50.000.000 đồng tính từ ngày 16/11/2023 đến ngày xét xử là ngày 11/4/2024 là 04 tháng 25 ngày: $(50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng}) \times 04 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 4.011.666,75 \text{ đồng}$.

Nhưng khấu trừ số tiền lãi mà ông P đã đồng cho ông G là: $4.011.666,75\text{đ} - 3.000.000\text{đ} = 1.011.666,75 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn và lãi: $50.000.000\text{đ} + 1.011.666,75\text{đ} = 51.011.666,75 \text{ đồng}$ làm tròn 51.012.000 đồng (năm mươi một triệu không trăm mười hai nghìn đồng).

Về việc ông Nguyễn Tấn P xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho ông Lê Văn G cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của ông P không được ông G chấp nhận. Do đó, HĐXX không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông Nguyễn Tấn P.

[4] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn G đối với bị đơn ông

Nguyễn Tấn P. Do đó, buộc ông Nguyễn Tấn P phải trả cho ông Lê Văn G số tiền là 51.012.000 đồng (năm mươi một triệu không trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí DSST là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14/30/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của ông Lê Văn G được Tòa án chấp nhận nên ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004739 ngày 27/02/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $51.067.000đ \times 5\% = 2.550.600$ đồng làm tròn là 2.551.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn G đối với ông Nguyễn Tấn P.

Buộc ông Nguyễn Tấn P phải trả cho ông Lê Văn G số tiền là 51.012.000 đồng (năm mươi một triệu không trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 2.551.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Tấn P phải nộp.

Ông Lê Văn G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004739

ngày 27/02/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 11/4/2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh